

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 878/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hải N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp LC, xã LV, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Ấp X, xã TP, huyện G, tỉnh T.

Chị N và anh N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Hải N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ tháng 6-2018, hôn nhân tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước.

Anh chị chung sống đến tháng 9-2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cãi với nhau. Ngoài ra, anh N có tính gia trưởng, thường xuyên to tiếng

chửi mắng chị nên cuộc sống vợ chồng từ khi chung sống đến nay không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ ngày 14-10-2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau và không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh N.

Vàng cưới gồm 01 đôi bông tai, 01 dây chuyền tổng trọng lượng 2,98 chỉ vàng, anh chị đã đổi thành 01 bộ simen vàng 18K. Hiện do anh N giữ, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nuôi con: Anh chị chung sống không có con chung. Nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-02-2019 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân thống nhất như lời trình bày của chị N. Tháng 9-2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn mà chị N đòi mua xe tay ga, anh có khuyên để 01 tháng nữa sẽ mua nhưng chị N không đồng ý. Anh chị có cãi nhau nên chị N về nhà cha mẹ ruột ở huyện C ở. Vợ chồng ly thân từ tháng 10-2018 đến nay. Anh chị không có gặp nhau và cũng không liên lạc qua điện thoại, không ai bàn đến chuyện đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con: Anh chị không có con chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Hải N và bị đơn anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trần Hải N và anh Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau và anh Nghĩa có tính gia trưởng, thường xuyên to tiếng chửi mắng chị. Còn anh N thì cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn và anh không đồng ý mua xe cho chị N nên anh chị cãi nhau, chị N về nhà cha mẹ ruột ở huyện C sinh sống. Anh N cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 10-2018 đến nay mà không liên lạc với nhau và cũng không gặp nhau, chứng tỏ anh N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*: Anh chị không có con chung nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hải N đối với anh Nguyễn Văn N. Chị Trần Hải N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con: Anh chị không có con chung và không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0008491 ngày 14-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG